

Part 15:

English	Answer	Vietnamese
136. I don't like cats	136 -	F. Tôi nói thật đấy
137. Me neither	137 -	G. Còn bạn thì sao?
138. No kidding	138 -	H. Bạn nghĩ thế nào?
139. Are you kidding?	139 -	I. Còn bạn?
140. I'm telling the true	140 -	J. Hết rồi, vậy đó
141. What do you think?	141 -	K. Tôi nghĩ nó không ổn
142. I think it's okay	142 -	L. Tôi không thích những con mèo
143. I think it's not good	143 -	M. Bạn đùa à?
144. How about you?	144 -	N. Tất cả đó
145. And you?	145 -	O. Không đùa
146. What else?	146 -	P. Tôi nghĩ nó ổn
147. That's it	147 -	Q. Còn gì khác nữa?
148. That's all	148 -	R. Tôi cũng không